

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 30/2018/HSST

Ngày: 08/6/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/.Ông Nguyễn Mai Độ

2/.Bà Lê Thị Tân An

-Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc, cán bộ Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Đồi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/HSST ngày 18/5/2018 đối với các bị cáo:

1.PHẠM MINH T, sinh ngày 12/02/1982. Nơi cư trú: 132/42/89 đường V, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: 25/1 hẻm 51, đường X, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 12/12. Cha: Phạm Minh T (sống). Mẹ: Nguyễn Thị G (chết). Anh chị em ruột: có 02 người (lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1979). Vợ: Phạm Thị Như Q (có 01 người con 03 tuổi). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại nhà tạm giữ Công an quận Ninh Kiều về tội khác, có mặt tại phiên tòa.

2.HÀ BỬU H, sinh ngày 10/12/1968. Nơi cư trú: khu vực X, phường L, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Hiếu Nghĩa. Nghề nghiệp: Bảo vệ. Trình độ văn hóa: 12/12. Cha: Hà Bửu C (chết). Mẹ: Võ Thị P (chết). Anh chị em ruột: có 03 người (lớn sinh năm 1957, nhỏ sinh năm 1971). Vợ: Lê Thị T (có 02 người con, lớn 37 tuổi, nhỏ 24 tuổi). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh T: Bà Nguyễn Thị Kim Y là Luật sư – Văn phòng luật sư S, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người làm chứng:

1/.Đặng Văn Thanh T; trú tại khu vực M, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2/.Nguyễn Hữu Y; trú tại ấp A, xã T, huyện A, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2017, Hà Bửu H cư trú khu vực X, phường T, quận M và Đặng Văn Thanh T cư trú khu vực M, phường T, quận Ô Môn cùng uống cà phê tại quán Quỳnh Thi thuộc khu vực M, phường T, quận M. Tại đây H thấy T làm thủ tục vay tiền nên hỏi và được T giới thiệu Ca Thị Kim O cư trú khu vực P, phường T, quận M có nhận làm hồ sơ vay tiền. Do cần tiền tiêu xài nên H nhờ Ca Thị Kim O làm thủ tục vay hộ thì H cho O 15% trên số tiền vay được. H đưa cho O giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản chính) để O làm thủ tục vay Ngân hàng P, chi nhánh đường H, quận K, thành phố Cần Thơ. Sau đó, O trả lại các giấy tờ trên cho H, 02 ngày sau O gọi điện thoại cho H yêu cầu đem các giấy tờ trên đến Ngân hàng để thẩm định lại nhưng H nói “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị vợ giữ không lấy được nên thôi”, O nói “không sao, chỉ có giấy đó con làm cho chú 03 bữa là có với giá 8.000.000đồng (tám triệu đồng) hà” (H biết rõ làm thêm một giấy mới tức là giấy giả). H đồng ý nhờ O làm và mượn tiền O đặt cọc trước cho người nhận làm giấy giả là 4.000.000đồng (bốn triệu đồng). O làm quen và nhờ Phạm Minh T cư trú 132/42/89 đường V, phường B, quận N làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho H thông qua trang mạng “Phiên chợ tốt” có số điện thoại 0939.xxx.zzz, zalo “Papers”. T sử dụng gmail yyy@gmail.com gửi mẫu cho Đoàn Quốc N cư trú 219/16 đường D, phường S, quận E, TP/Hồ Chí Minh thông qua gmail xxx@gmail.com để làm giả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự với giá 3.000.000đồng (ba triệu đồng), N đồng ý. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T nhờ một người thanh niên tên K (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể có nick Zalo “bbbb2” làm nhưng chưa rõ về nhân thân với giá 3.500.000đồng). Đến ngày 16/10/2017 T, H và O hẹn gặp tại quán cà phê 389 đường K, quận N, thành phố Cần Thơ để nhận giấy. T nhận 4.000.000đồng, H và O nhận giấy rồi làm thủ tục vay Ngân hàng, nhưng phía Ngân hàng P thông báo có sai sót chữ lót của H so với sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân nên yêu cầu chỉnh sửa cho phù hợp.

Ngày 17/10/2017 H cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn để điều chỉnh chữ lót thì bị phát hiện.

Tại kết luận giám định số 195/KLGD-PC45 ngày 03/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ kết luận:

Hình dấu tròn trên tài liệu gửi giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký mang tên Trần Văn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra.

Đối với Đoàn Quốc N thừa nhận có nhận làm giả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự từ T nhưng chỉ là trung gian và Cơ quan điều tra không thu hồi được bản chính của 02 tài liệu này, nên không có cơ sở khởi tố N. Mặt khác, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn xác định sự thỏa thuận và giao dịch giữa N và T

tại quận N, nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N để xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S4 màu xanh, 01 điện thoại di động Avio màu xám đen; 01 sim điện thoại 0907110334; 01 giấy giả chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI801185 tên Hà Bữu H.

Đối với giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Ca Thị Kim O đã làm mất nên không thu hồi được.

Hiện nay Cao Thị Kim O đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn đã truy nã, khi nào bắt được xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-OM ngày 17/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Phạm Minh T và Hà Bữu H về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Cả hai bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Đồng thời, các bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố hai bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo T mức án từ 01 năm đến 02 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án và buộc bị cáo T nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung công theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T cũng thống nhất tội danh và điều khoản luật truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46, nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án 12 tháng tù theo như đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về tố tụng hình sự:* Các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định, hành vi tố tụng của Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có Y kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]*Về căn cứ buộc tội:* Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho bị cáo H do Ca Thị Kim O là đồng phạm trong vụ án nhờ với mục đích để H vay tiền tại Ngân hàng để hưởng lợi. Bị cáo H thừa nhận và biết rõ làm thêm một giấy mới (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tức là giấy giả nhưng vẫn yêu cầu O nhờ T làm các tài liệu, giấy tờ trên. Rõ ràng, các bị cáo và đồng phạm biết rõ nhưng vẫn làm sử dụng tài liệu, giấy tờ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) giả lừa dối cơ quan, tổ chức nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân. Đối chiếu với lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của Ca Thị Kim O đồng phạm trong vụ án, lời khai của người làm chứng là hoàn toàn phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định 195/KLGD-PC45 ngày 03/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ cho thấy hành vi của các bị cáo được nêu trong bản cáo trạng là đúng với hành vi mà các bị cáo thực hiện. Đây là dấu hiệu đặc trưng của tội phạm, đối chiếu với các yếu tố cấu thành tội phạm nên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Minh T và Hà Bửu H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố hai bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]*Về tính chất hành vi phạm tội:* Rõ ràng, hành vi phạm tội của hai bị cáo là thật sự nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Chính vì vậy, Nhà nước mới có chế tài hình sự đối với loại tội phạm này.

[4]*Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bản thân các bị cáo đã thật sự chính chắn trong nhận thức và điều chỉnh hành vi đúng, sai rõ ràng. Biết rõ hành vi nêu trên mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi cho bản thân, nên đã bất chấp đi vào con đường phạm tội. Trong vụ án này, vai trò chính là bị cáo T là người trực tiếp giao dịch thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính nguy hiểm cao nên hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc hơn bị cáo H; còn bị cáo H phạm tội cũng không kém phần nguy hiểm, nên hình phạt đối với bị cáo có phần tương xứng. Có như vậy, mới giúp các bị cáo tâm đắc sửa đổi bản thân, biết sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật và đồng thời qua hình phạt cũng để răn đe, giáo dục chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân hai bị cáo đều mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T có người thân là cha ruột có công với cách mạng, được tặng huân chương. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo được quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Song, xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử thấy rằng đối với bị cáo H có khả năng cải tạo ngoài xã hội, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng

mức án tù có điều kiện để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo.

[5]*Về xử lý vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra có thu giữ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S4 màu xanh của Cao Thị Kim O, 01 điện thoại di động Avio màu xám đen và 01 sim điện thoại 0907xxxxxx của bị cáo H. Các vật chứng này có liên quan đến vụ án, nên tịch thu sung công. Đối với 01 giấy giả chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI801185 tên Hà Bửu H, cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo T, để đánh vào thu lợi bất chính ngoài hình phạt chính cần buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính số tiền 1.500.000đồng để sung công.

[6]*Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

(Vật chứng của vụ án do Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý).

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố: Phạm Minh T và Hà Bửu H phạm tội “**Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**”

Áp dụng: đ

-Điều 268; Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
-Khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Phạm Minh T 01 (Một) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng:

-Điều 268; Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
-Khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Hà Bửu H 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2018).

Giao cho Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố Cần Thơ giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

-*Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung công 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động Samsung Galaxy S4 màu xanh, số imei: 356428050360257, nắp sau bị bể; 01 điện thoại di động Avio màu xám đen, số imei: 352040030848204 và kèm theo 01 sim điện thoại 0907110334).

Tịch thu lưu hồ sơ 01 giấy giả chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI801185 tên Hà Bửu H.

Buộc bị cáo T nộp lại số tiền 1.500.000đồng để sung công.

-Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng.

-Về thời hạn kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- VKSND.Q.Ô Môn;
- TAND-TP/CT;
- THADS.Q.Ô Môn;
- CA.Q.Ô Môn;
- Bị cáo, đ/s;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng